

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý chất rắn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Xuân Sáng

2. Ngày tháng năm sinh: 30/01/1982; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Thanh Luân, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 91 Phong Định
Cảng, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, Nghệ An

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Khoa Điện tử Viễn thông, Trường Đại học Sài
Gòn, 273 An Dương Vương, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904512337;

E-mail: sangnguyen@sgu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2014 đến năm 2015: Giảng viên tại Viện Tiên tiến về Khoa học và Công nghệ (AIST), trường Đại học
Bách Khoa Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sài Gòn

Địa chỉ cơ quan: 273 An Dương Vương, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 7 năm 2005, ngành: Vật lý kỹ thuật, chuyên ngành: Vật liệu điện tử

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 02 năm 2009, ngành: Khoa học vật liệu, chuyên ngành: Vật liệu mới

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Korea, Hàn Quốc

- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 12 năm 2013, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý chất rắn

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Leuven (KUL), Vương quốc Bỉ

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sài Gòn

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ Phân tích cấu trúc và tính chất điện tử của khuyết tật điểm trong vật liệu bán dẫn nói chung và vật liệu kích thước nano nói riêng.

+ Ảnh hưởng của khuyết tật thuần và ngoại lai do pha tạp đến tính chất quang và điện tử của vật liệu.

+ Chế tạo và nghiên cứu vật liệu nano oxit bán dẫn ZnO, TiO₂ thấp chiều: hạt nano, ống nano, thanh nano, màng nano.

+ Vật liệu thấp chiều có nguồn gốc carbon như: graphene, ống nano carbon.

+ Lai hóa các vật liệu nano để tạo tiếp xúc dị thể, tăng cường tính chất quang.

+ Khả năng ứng dụng trong xử lý chất màu hữu cơ bằng phương pháp quang xúc tác của các vật liệu nano lai

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 3 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 39 bài báo KH, trong đó 18 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
----	-----------------	-----------------	-----------------

1	Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Sài Gòn về hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Nhất trong lĩnh vực Kỹ thuật và Công nghệ năm học 2018 – 2019.	Cơ sở	2019
---	---	-------	------

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Nhà giáo phải luôn lấy sinh viên làm trung tâm của việc dạy học và nghiên cứu. Thể hiện thái độ khách quan, nghiêm túc và không ngại học những kiến thức mới để phục vụ cho công việc giảng dạy. Trau dồi kiến thức để truyền cảm hứng học tập cho sinh viên qua những câu chuyện lịch sử của vấn đề đang học, các ứng dụng của môn học, hay vấn đề nghiên cứu trong cuộc sống. Luôn tâm niệm không thể bắt người học trò học hoặc nghiên cứu hăng say môn học hoặc vấn đề khoa học của mình nếu mình chưa thấy việc đó thú vị. Người thầy phải là người truyền cảm hứng học tập.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 6 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	

1	2014-2015						45	45/45/135
2	2015-2016					758.4		758.4/806.4/270
3	2016-2017					811.2		811.2/951.2/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018			2		727.3		727.3/1685.5/270
5	2018-2019			2		352.5		352.5/528.5/270
6	2019-2020					418.5		418.5/524.5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Vương quốc Bỉ năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL PBT

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn	Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ					
1	Nguyễn Minh Quân		X	X		03/2017 đến 12/2018	Trường Đại học Sài Gòn	2019
2	Lê Phước Sang		X	X		03/2017 đến 12/2018	Trường Đại học Sài Gòn	2019
3	Đoàn Ngọc Thành		X	X		03/2018 đến 12/2019	Trường Đại học Sài Gòn	2020
4	Phạm Đông Nhân		X		X	06/2018 đến 12/2019	Trường Đại học Sài Gòn	2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Chế tạo và nghiên cứu sự phân bố của các kim loại chuyển tiếp (Mn, Cr, Fe) pha tạp trong vật liệu nano tinh thể bán dẫn ZnO và ZnS (NAFOSTED)	CN	103.02-2016.87, cấp Nhà nước	28/04/2017 đến 28/04/2019	14/8/2019, Đạt
2	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của vật liệu kích thước nano	CN	CS2016-56, cấp Cơ sở	26/05/2016 đến 26/05/2017	15/6/2017, Xuất sắc
3	Tổng hợp, phân tích tính chất phát quang và xúc tác quang của vật liệu nano vùng cấm rộng: ZnO/ZnS, Graphene/TiO2	CN	CS2017-40, cấp Cơ sở	13/07/2017 đến 25/05/2018	25/6/2018, Tốt

4	Chế tạo vật liệu Graphene oxit (GO) và ứng dụng quang xúc tác của vật liệu lai hóa giữa GO với bán dẫn TiO ₂ có cấu trúc nano.	CN	CS2018-61, cấp Cơ sở	12/07/2018 đến 22/04/2019	22/4/2019, Xuất sắc
---	---	----	----------------------	---------------------------	---------------------

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Symmetry and electronic states of Mn ²⁺ in ZnS nanowires with mixed hexagonal and cubic stacking	10	Không	Applied Physics Letters	có - SCI IF: 3.52	9	97 , 041918	2010

2	Point defects in thermal GaAs/GaAs-oxide structures probed by electron paramagnetic resonance	3	Có	Microelectronic Engineering	có - ISI <i>IF: 1.65</i>	3	109 , 294-297	2013
3	AsGa+ antisites identified by electron spin resonance as a main interface defect system in thermal GaAs/native oxide structures	3	Không	Applied Physics Letters	có - SCI <i>IF: 3.52</i>	15	103 , 162111	2013
4	Electron spin resonance study of point defects in thermal GaAs/GaAs-oxide structures	3	Có	IOP Conference Series: Materials Science and Engineering	có - Scopus		41 , 1, 012021	2012

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ

5	Near-interfacial thermal donor generation during processing of (100) Si/low- κ Si-oxycarbide insulator structures revealed by electron spin resonance	6	Không	Semiconductor Science and Technology	có - SCI IF: 2.654		29 , 095008	2014
6	Processing-induced near-interfacial thermal donor generation in (100) Si/Si-oxycarbide insulator structures revealed by electron spin resonance	4	Không	Physica Status Solidi (C)	có - SCIE IF: 0.8		11 , 1-4	2014

7	Nature of Point Defects at High-Mobility Semiconductor/Interfaces Probed by Electron Spin Resonance: Thermal GaAs/GaAs-oxide Structures	3	Không	ECS Transactions	có - SCIE IF: 0.46		64 , 11, 293-299	2014
8	One-step hydrothermal synthesis and characterisation of SnO2 nanoparticle-loaded TiO2 nanotubes with high photocatalytic performance under sunlight	5	Không	Journal of Materials Science	có - SCI IF: 3.442	19	53 , 5, 3364-3374	2017
9	Heterojunction of graphene and titanium dioxide nanotube composites for enhancing photocatalytic activity	5	Có	Journal of Physics D: Applied Physics	có - SCI IF: 2.829	10	51 , 265304	2018

10	Theoretical study of the addition and hydrogen abstraction reactions of methyl radical with formaldehyde and hydroxymethylene	2	Không	J. Serb. Chem. Soc.	có - SCIE IF: 0.83		83 , 10, 1113- 1122	2018
11	Crystalline deformation and photoluminescence of titanium dioxide nanotubes during in situ hybridization with graphene: An example of the heterogeneous photocatalyst	6	Có	Superlattices and Microstructures	có - SCI IF: 2.385	9	121 , 9- 15	2018
12	Mechanism of enhanced photocatalytic activity of Cr-doped ZnO nanoparticles revealed by photoluminescence emission and electron spin resonance	5	Có	Semiconductor Science and Technology	có - SCI IF: 2.654	7	34 , 2, 025013	2019

13	Electromigration with enhanced green emission in the titanium dioxide nanotube/graphene composite	6	Có	Current Applied Physics	có - SCI IF: 2.01		19 , 1082- 1087	2019
14	Comment on the paper of M. Nasr et al. [Superlattices and Microstructures 77 (2015) 18–24]	1	Có	Superlattices and Microstructures	có - SCI IF: 2.385		130 , 578	2019
15	Structural and bandgap properties of titanium dioxide nanotube/graphene oxide composites prepared by a facile hydrothermal method	5	Có	Materials Research Express	có - SCIE IF: 1.449		6 , 105054	2019

16	Constraint effect caused by graphene on in situ grown Gr@WO ₃ - nanobrick hybrid material	7	Không	Ceramics International	có - SCI IF: 3.45		46 , 7, 8711- 8718	2019
17	In-situ hydrothermal fabrication and photocatalytic behavior of ZnO/ reduced graphene oxide nanocomposites with varying graphene oxide concentrations	5	Không	Materials Science in Semiconductor Processing	có - SCI IF: 2.722	1	115 , 105114	2020
18	Đặc tính hấp thụ vật lý và khả năng quang xúc tác của vật liệu tổ hợp ống nano TiO ₂ và graphene	5	Có	Tạp chí Nghiên cứu KH&CN quân sự			51 , 110- 118	2017
19	Nghiên cứu lý thuyết đường phản ứng của gốc Methyl với Ethylamine	2	Không	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology			34 , 3, 32-39	2018

20	Cấu trúc tinh thể, tính chất quang và khả năng quang xúc tác của nano tinh thể ZnO pha tạp ion kim loại Cr ³⁺	5	Có	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology			34 , 4, 1-8	2018
21	Photoluminescence and point defect related emission of ZnO:Mn ²⁺ micro/nanorod fabricated by co-precipitation method	4	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			34 , 2, 37-44	2018
22	Kinetics of the Reaction of Methyl Radical with Methanol	2	Không	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology			34 , 1, 111-117	2018
23	Facial Synthesis and Characterization of Polypyrrole/Zinc oxide (ZnO) Nanorode and Flower-like Shape Composites	5	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			34 , 1, 40-45	2018

24	Nghiên cứu lý thuyết sự tạo thành Metan trong phản ứng của gốc Metyl với Propanol-2	5	Không	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology			34 , 3, 107-115	2018
25	Photoluminescence Emission and Raman Vibration Properties of Asymmetric Nanoparticle ZnO Doped Mn ²⁺ Fabricated by a Solvothermal Method	6	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			35 , 3, 69-79	2019
26	Effect of Annealing Temperature on Photoluminescence Emission and Photocatalytic Activity of Hydrothermal ZnO Nanorods	1	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics			35 , 1,	2019

27	Crystal transformation of thermally annealed titanium dioxide nanotubes revealed by photoluminescence emission and Raman scattering vibration	4	Có	Proceedings of the 9th International Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology			ISBN 978-604-973-012 ,	2018
28	Defect evolution in Mn, Cr-doped ZnO nanoparticles with enhanced photocatalytic activity: An electron spin resonance study	3	Có	Proceedings of the 9th International Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology			ISBN 978-604-973-012 ,	2018
29	Cấu trúc tinh thể, điện tử và khả năng quang xúc tác của nano tinh thể ZnO pha tạp ion kim loại Mn ²⁺	1	Có	Hội nghị Quang học và Quang phổ toàn quốc lần thứ 10			ISBN: 978-604-913-86 ,	2018

30	Khảo sát khả năng hấp phụ chất màu methylene blue của vật liệu graphene hydrogel	4	Có	Tuyển tập báo cáo hội nghị Vật Lý Chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XI Quyển 2			ISBN: 978-604-98-750 ,	2019
31	Điều chế tổ hợp ống nano TiO ₂ và hạt nano Ag nhằm cải thiện khả năng quang xúc tác phân hủy methylene blue	4	Có	Tuyển tập báo cáo hội nghị Vật Lý Chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XI Quyển 2			ISBN: 978-604-98-750 ,	2019
32	Khảo sát tính chất xúc tác quang của tổ hợp nano titan oxit và graphene	4	Có	Tuyển tập báo cáo hội nghị Vật Lý Chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XI Quyển 2			ISBN: 978-604-98-750 ,	2019
33	Ảnh hưởng của nhiệt độ ủ đến khả năng quang xúc tác của ống TiO ₂	2	Có	Tuyển tập báo cáo hội nghị Vật Lý Chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XI Quyển 2			ISBN: 978-604-98-750 ,	2019

34	Characterization and photocatalytic performance of Zinc oxide nanorode/graphene prepared by a facile hydrothermal method	5	Không	Tuyển tập báo cáo hội nghị Vật Lý Chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XI Quyển 2			ISBN: 978-604-98-750 ,	2019
35	Khảo sát đặc trưng và khả năng quang xúc tác vật liệu nano tổ hợp hạt TiO ₂ và graphene	3	Có	Tuyển tập báo cáo hội nghị Vật Lý Chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XI Quyển 2			ISBN: 978-604-98-750 ,	2019
36	Khảo sát tính chất hấp phụ và xúc tác quang của tổ hợp ống nano titan oxit và graphene oxit	5	Có	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology		2	34 , 3, 54-63	2018
37	Tổng hợp, khảo sát đặc trưng cấu trúc và độ dẫn của vật liệu nano-composite của polypyrrole và titan oxide (PPy/TiO ₂)	2	Có	Tạp chí Khoa học, Đại học Sài Gòn			17 , 42, 69-76	2016

38	In-situ Gr@WO3 Nanobrick Hybrid Material: Synthesis, Optical and Photocatalytic Properties	10	Không	The 4th International Conference on Advanced Materials and Nanotechnology (ICAMN 2019)			ISBN: 978- 604- 950-97 ,	2019
39	Correlation of native point defects and photocatalytic activity of annealed ZnO nanoparticle studied by electron spin resonance and photoluminescence emission	5	Có	Semiconductor Science and Technology	có - SCI <i>IF: 2.654</i>		Chấp nhận đăng ,	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 7

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2014/90

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2014/90

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)